

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI  
**BAN DÂN TỘC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:  
V/v thực hiện phân định vùng  
đồng bào dân tộc thiểu số và  
miền núi

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 11 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 5676/UBND-KT ngày 18/11/2020 về việc phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025, Ban Dân tộc tỉnh đã nghiên cứu nội dung của Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021- 2025 và dự thảo văn bản của UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện việc phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn và các mẫu biểu rà soát chưa căn cứ vào hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc vì hiện nay Ủy ban Dân tộc chưa có văn bản chỉ đạo, nếu có thay đổi sẽ điều chỉnh, bổ sung sau.

*(Có dự thảo văn bản và các phụ lục kèm theo)*

Ban Dân tộc tỉnh kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND các huyện miền núi và UBND các huyện: Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành.
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng thuộc Ban;
- Lưu: VT, KHTH.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Thế Nhân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KT

Quảng Ngãi, ngày tháng 11 năm 2020

V/v phân định vùng đồng  
bào dân tộc thiểu số và  
miền núi theo trình độ phát  
triển giai đoạn 2021-2025  
**(DỰ THẢO)**

Kính gửi:

- Ban Dân tộc tỉnh;
- UBND các huyện miền núi và UBND các huyện: Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành.

Thực hiện nội dung Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025 (văn bản đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ), Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. UBND các huyện: Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa và Nghĩa Hành khẩn trương triển khai, thực hiện:

- Tổ chức xác định danh sách các xã, thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi quy định tại Điều 2, Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg; xác định các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I và các thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 quy định tại Điều 3 và Điều 4, Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg.

- Hồ sơ xác định xã khu vực III, II, I và thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện theo Khoản 1 và Khoản 2, Điều 8, Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg, cụ thể như sau:

\* Hồ sơ cấp xã gửi cấp huyện là 02 bộ, mỗi bộ gồm:

(1) Bảng đánh giá của xã và các thôn về mức độ đạt hoặc không đạt tiêu chí quy định tại các Điều 2, 3, 4, 5, 6 của Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg (Biểu 1).

(2) Danh sách thôn đặc biệt khó khăn và thôn được xác định thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Biểu 2 và Biểu 3).

\* Hồ sơ cấp huyện gửi cấp tỉnh là 01 bộ, gồm: Báo cáo kết quả và danh sách chi tiết xác định các xã khu vực III, II, I và thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hồ sơ kết quả rà soát của các huyện gửi về UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc tỉnh) **trước ngày.....tháng 12 năm 2020** (30 ngày làm việc kể từ ngày văn bản này có hiệu lực).

*(Có hướng dẫn các bước tiến hành tại Phụ lục và mẫu biểu kèm theo).*

2. Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổng hợp kết quả rà soát của các huyện, thẩm định và hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Khoản 3, Điều 8, Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg trình UBND tỉnh báo cáo Ủy ban Dân tộc **trước ngày ....tháng 02 năm 2021** (45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện của Ủy ban Dân tộc).

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan nghiêm túc chỉ đạo triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc HĐND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP(KT), CBTH;
- Lưu: VT, ....

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Phiên**

## Phu lục

### **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH XÁC ĐỊNH XÃ, THÔN THUỘC VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI VÀ PHÂN ĐỊNH XÃ, THÔN THEO TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN**

*(Kèm theo Công văn số /UBND-KT ngày tháng 11 năm 2020 của  
UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

#### **I. NGUYÊN TẮC CHUNG**

1. Xác định xã thuộc vùng DTTS&MN dựa trên tỷ lệ số hộ là người DTTS sinh sống ổn định trên địa bàn (có hộ khẩu thường trú hoặc đã sinh sống trên địa bàn 1 năm nhưng chưa đăng ký được hộ khẩu).
2. Đối với các xã không đủ tỷ lệ số hộ là người DTTS thì xác định thôn thuộc vùng DTTS&MN.
3. Trên cơ sở danh sách các xã, thôn thuộc vùng DTTS&MN tổ chức phân định thành xã khu vực III, khu vực II, khu vực I và các thôn ĐBKK.
4. Không phân định xã khu vực III đối với các xã, thị trấn đạt chuẩn nông thôn mới.
5. Không xác định thôn ĐBKK đối với các xã đã được xác định là xã khu vực III.
6. Tỷ lệ nghèo: Lấy số liệu hộ nghèo năm 2019 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
7. Số liệu, tài liệu liên quan lấy tại thời điểm 31/12/2019.

#### **II. TRÌNH TỰ XÁC ĐỊNH XÃ, THÔN THUỘC VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI :**

**Bước 1:** Lập danh sách các xã có tỷ lệ số hộ là người DTTS từ 15% trở lên, ghi vào cột 2 biểu 1 kèm theo.

**Bước 2:** Đối với các xã có dưới 15% số hộ là người DTTS, tiến hành xác định thôn có tỷ lệ hộ DTTS từ 15% trở lên, ghi vào cột 2 biểu 2 kèm theo.

Như vậy, vùng DTTS&MN là danh sách các xã được xác định ở biểu 1 và danh sách các thôn ở biểu 2.

#### **III. TRÌNH TỰ XÁC ĐỊNH XÃ KHU VỰC III, KHU VỰC II, KHU VỰC I:**

Căn cứ danh sách xã đã được xác định biểu 1, tổ chức phân định các xã thành 3 khu vực, cụ thể:

**1. Xác định xã khu vực III** (không thực hiện đối với xã, thị trấn đạt chuẩn nông thôn mới):

**Bước 1:** Lựa chọn các xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 20% trở lên, ghi ký hiệu III vào cột 16 của biểu 1 kèm theo.

**Bước 2:** Xác định các xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 15% đến dưới 20%, nếu có một trong các điều kiện dưới đây (đánh dấu X vào cột tương ứng) thì ghi tên xã vào cột 2 và ghi ký hiệu III vào cột 16 của biểu 1 kèm theo.

- Điều kiện 1 (ĐK1): Có trên 60% tỷ lệ hộ nghèo là hộ dân tộc thiểu số trong tổng số hộ nghèo của xã;

- Điều kiện 2 (ĐK2): Có số người dân tộc thiểu số trong độ tuổi từ 15 đến 60 chưa biết đọc, biết viết tiếng phổ thông từ 20% trở lên.

- Điều kiện 3 (ĐK3): Số lao động có việc làm nhưng chưa qua đào tạo từ 3 tháng trở lên chiếm trên 80% tổng số lao động có việc làm.

- Điều kiện 4 (ĐK4): Đường giao thông từ trung tâm huyện đến trung tâm xã dài trên 20 km, trong đó có trên 50% số km chưa được rải nhựa hoặc đổ bê-tông.

## **2. Xác định xã khu vực I:**

**Bước 1:** Xác định các xã đạt chuẩn nông thôn mới, ghi ký hiệu I vào cột 16 và ký hiệu NTM vào cột 17 biểu 1 kèm theo.

**Bước 2:** Xác định các xã, thị trấn có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10%, ghi ký hiệu I vào cột 16 biểu 1 kèm theo.

## **3. Xác định xã khu vực II:**

Ghi ký hiệu II vào cột 16 biểu 1 đối với các xã, thị trấn còn lại sau khi đã xác định xã khu vực III và khu vực I.

## **IV. TRÌNH TỰ XÁC ĐỊNH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN:**

**Bước 1:** Lập danh sách các thôn của xã khu vực II và danh sách các thôn đã xác định ở biểu 2.

**Bước 2:** Xác định các thôn có tỷ lệ hộ nghèo từ 20% trở lên, ghi tên thôn vào cột 2 của biểu 3 kèm theo.

**Bước 3:** Xác định các thôn có tỷ lệ hộ nghèo từ 15% đến dưới 20%, nếu có một trong các điều kiện dưới đây (đánh dấu X vào cột tương ứng) thì ghi tên thôn vào cột 2 của biểu 3 kèm theo.

- Điều kiện 1 (ĐK1): Có trên 60% tỷ lệ hộ nghèo là hộ dân tộc thiểu số trong tổng số hộ nghèo của thôn.

- Điều kiện 2 (ĐK2): Chưa có đường từ thôn đến trung tâm xã hoặc có đường nhưng đi lại rất khó khăn, nhất là mùa mưa.

- Điều kiện 3 (ĐK3): Chưa có điện lưới quốc gia hoặc đã có nhưng trên 30% số hộ chưa được sử dụng điện lưới quốc gia.

**BIỂU 1**  
**DANH SÁCH CÁC XÃ VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**  
**PHÂN ĐỊNH THEO TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN**

(Kèm theo Công văn số /UBND-KT ngày tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	TÊN XÃ/THỊ TRẤN	Tổng số xã	Tổng số thôn	Hộ			Nghèo				Các điều kiện kèm theo				Dự kiến khu vực	Ghi chú	
				Tổng số hộ	Số hộ DTTS	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Số hộ nghèo DTTS	Tỷ lệ (%)	ĐK1	ĐK2	ĐK3	ĐK4			
1	2	3	4	5	6	$7=6:5 \times 100\%$	8	$9=8:5 \times 100\%$	10	$11=10:8 \times 100\%$	12	13	14	15	16	17	
1	Xã....																
2	Xã....																
3	Xã....																

**Ghi chú:**

Cột 3: ghi tổng số xã trên địa bàn huyện

Cột 4: ghi tổng số thôn trên địa bàn xã/thị trấn

Cột 17: Ghi ATK đối với xã an toàn khu và ghi NTM đối với xã đã đạt chuẩn nông thôn mới

**BIỂU 2**  
**DANH SÁCH CÁC THÔN VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**  
*(Kèm theo Công văn số /UBND-KT ngày tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

TT	TÊN XÃ/THỊ TRẤN	Tổng số xã	Tổng số thôn	Hộ			Nghèo				Ghi chú
				Tổng số hộ	Số hộ DTTS	Tỷ lệ (%)	Số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Số hộ nghèo DTTS	Tỷ lệ (%)	
1	2	3	4	5	6	$\frac{7=6:5}{\times 100\%}$	8	$\frac{9=8:5}{\times 100\%}$	10	$\frac{11=10:8}{\times 100\%}$	
1	Xã....										
	Thôn A										
	Thôn B										
2	Xã....										
	Thôn A										
	Thôn B										
3	Xã....										

Ghi chú:

Cột 3: ghi tổng số xã trên địa bàn đối với cấp tỉnh và cấp huyện

Cột 4: ghi tổng số thôn trên địa bàn đối với cấp tỉnh, huyện, xã

**Biểu 3**  
**DANH SÁCH CÁC THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**  
*(Kèm theo Công văn số /UBND-KT ngày tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

TT	TÊN XÃ/THỊ TRẤN	Tổng số xã	Tổng số thôn	Hộ			Nghèo				Các điều kiện kèm theo			Dự kiến khu vực của xã
				Tổng số hộ	Số hộ DTTS	Tỷ lệ (%)	Số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Số hộ nghèo DTTS	Tỷ lệ (%)	ĐK1	ĐK2	ĐK3	
1	2	3	4	5	6	$\frac{7=6:5}{x100\%}$	8	$\frac{9=8:5}{x100\%}$	10	$\frac{11=10:8}{x100\%}$	12	13	14	15
1	Xã....													
	Thôn A													
	Thôn B													
2	Xã....													
	Thôn A													
	Thôn B													
3	Xã....													

**Ghi chú:**

Cột 3: ghi tổng số xã trên địa bàn huyện.

Cột 4: ghi tổng số thôn trên địa bàn huyện, xã.

Cột 15: Ghi ký hiệu II hoặc I tương ứng với cấp xã được xác định tại biểu 1. Đối với các xã không có tên trong biểu 1 thì để trống